

KẾT NỐI TRI THỨC (NGŨ VĂN)

Facebook chia sẻ kiến thức Ngữ Văn THPT

BẢN DEMO GIỚI THIỆU

THƠ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI 25 ĐỀ LUYỆN TẬP

Đọc hiểu và Viết theo cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT 2026

Kèm hướng dẫn chấm chi tiết và rubric chấm phần Viết

PHIÊN BẢN 2.1

Cập nhật tháng 10/2026

Biên soạn: GIÁO VIÊN NGŨ VĂN

Trang "Kết Nối Tri Thức (Ngữ Văn)"

Thanh Hóa, 2026

BỘ TÀI LIỆU NÀY GIÚP BẠN LÀM ĐƯỢC ĐIỀU GÌ?

Đề thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn những năm gần đây luôn mở đầu bằng một việc: đọc một văn bản **chưa từng gặp trên lớp**, tự lần ra tầng nghĩa của nó, rồi viết về chính văn bản ấy bằng lập luận có chứng cứ. Học sinh không thiếu đề để làm; cái thiếu là những đề được thiết kế đúng tinh thần ấy, kèm một cách chấm đủ rõ để biết mình đang đứng ở mức nào.

Bộ tài liệu "**Thơ Việt Nam hiện đại: 25 đề luyện tập**" (Phiên bản 2.1) được biên soạn để lấp khoảng trống đó:

- **25 bài thơ** hiện đại và đương đại ngoài sách giáo khoa, mỗi bài làm ngữ liệu chung cho cả phần Đọc hiểu (4,0 điểm) lẫn phần Viết (6,0 điểm), đúng cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT 2026.
- Mỗi đề có **Hướng dẫn chấm chi tiết**, đặt ngay trước **Rubric chấm phần Viết** theo khuôn Hướng dẫn chấm của đề thi chính thức.
- **Không có bài văn mẫu để sao chép**. Thay vào đó là hướng triển khai theo từng ý, tiêu chí và mức điểm, để học sinh tự viết bài của mình và biết bài ấy được mấy điểm vì sao.
- Toàn bộ khoảng 443 trang A4, chữ Times New Roman cỡ 14, không nền màu, in ra là dùng được.

Dành cho ai?

- **Học sinh lớp 12** ôn thi tốt nghiệp muốn luyện đúng dạng đề thơ, tự đối chiếu bài làm với hướng dẫn chấm và rubric.
- **Học sinh lớp 10, 11** muốn rèn năng lực đọc hiểu thơ hiện đại từ sớm.
- **Giáo viên Ngữ văn** cần một bộ đề đã có sẵn hướng dẫn chấm và rubric để dùng ngay cho tiết ôn tập, đề kiểm tra hay bồi dưỡng học sinh giỏi.
- **Phụ huynh** muốn chọn cho con một tài liệu ôn thi có nguồn ngữ liệu rõ ràng, nội dung kiểm chứng được.

BỐN ĐIỀU LÀM NÊN KHÁC BIỆT

Phần này lấy chính nội dung trong bộ tài liệu làm bằng chứng. Hai đề được chọn để minh họa, "Mất bò" của Hữu Việt (Đề 21) và "Chiếc áo của cha" của Ngô Bá Hòa (Đề 11), cũng là hai đề mẫu có thể đọc đầy đủ ở phần sau.

Điều thứ nhất: câu hỏi Đọc hiểu đi từ điểm bất thường của bài thơ, không hỏi theo khuôn.

Nhiều bài thơ hay có một chỗ "lạ" làm nên sức nặng của nó. Bộ đề tìm chỗ lạ ấy trước, rồi mới đặt câu hỏi. Ở "Mất bò", nhân vật "tôi" chào một con bò rồi nhận về sự im lặng, và bài thơ kết bằng một dòng gần như lặp lại dòng thứ bảy, chỉ đổi một từ:

Như một hiểu lầm, như một cách xa...

(...)

Như một lỗi lầm, như một cách xa...

Từ chỗ lạ ấy, hai câu hỏi liên nhau được thiết kế ở hai mức khác nhau:

- **Câu 2 (Nhận biết, 0,5 điểm):** chỉ ra hai dòng thơ gần lặp và từ ngữ đã thay đổi.
- **Câu 4 (Thông hiểu, 1,0 điểm):** lí giải ý nghĩa của sự thay đổi "hiểu lầm" thành "lỗi lầm" trong mạch cảm xúc của bài thơ.

Học sinh nào chỉ "nhìn ra" sự thay đổi sẽ được 0,5 điểm; muốn có thêm 1,0 điểm phải giải thích được vì sao nhân vật "tôi" đi từ chỗ coi đó là chuyện lệch nhau trong giao tiếp đến chỗ tự nhận lỗi. Đó chính là bước nhảy từ nhận biết sang thông hiểu mà đề thi thật đòi hỏi.

Điều thứ hai: Hướng dẫn chấm cho thấy cách nghĩ, không chỉ cho đáp số.

Dưới đây là phần đáp án Câu 4 của Đề 21, trích từ tài liệu (có lược một đoạn):

Từ "hiểu lầm" đến "lỗi lầm" là bước chuyển của cảm xúc: từ cảm nhận một khoảng cách chưa ai có lỗi sang tự nhận lỗi về phía mình. Giữa hai dòng gần như lặp lại ấy có một khoảng thời gian và một cuộc sàng lọc của trí nhớ. (...) Chữ "lỗi lầm" vì vậy là lời tự nhận: lỗi của người đã nhìn mà chưa thấy, của con người trước những phận lạng lẽ gánh việc cho mình.

Bên cạnh đáp án là bảng điểm thành phần, mỗi ý nhỏ 0,25 điểm, và cột **Lỗi thường gặp** nêu bằng lời những lỗi học sinh hay gặp ở từng ý, để giáo viên khoanh đúng chỗ học sinh sai:

Hướng dẫn chấm (Câu 4, Đề 21)	Điểm	Lỗi thường gặp
Hiểu đúng "hiểu lầm" ở dòng thứ bảy: sự lệch nhau trong giao tiếp, chưa có ý quy lỗi	0,25	Chỉ diễn xuôi, chưa giải mã nghĩa hàm ẩn
Chỉ ra những gì xảy ra giữa hai dòng: hồi tưởng, "Sao chỉ nhớ", "nhai mưa-quá-khứ", "Im lặng nhìn tôi"	0,25	Trích sai chữ hoặc chép thừa
Lí giải "lỗi lầm": lời tự nhận lỗi của "tôi", của con người trước sinh linh mang ách nặng	0,25	Trả lời lạc lệnh hỏi
Gọi tên cấu tứ có chứng cứ: gấp gở, hồi tưởng, tự vấn; dòng lặp biến đổi khép vòng bài thơ	0,25	Ý lộn xộn, thiếu lí giải

Giáo viên chấm bằng bảng này không còn phải chấm theo cảm tính; học sinh tự chấm cũng biết mình mất điểm ở ý nào.

Điều thứ ba: mỗi đề có một câu hỏi phản biện dành cho học sinh giỏi.

Không tính điểm, nhưng buộc người học nghi ngờ chính cách hiểu quen thuộc của mình. Đề 11 hỏi:

Giả sử nhà thơ thay "chiếc áo" bằng "chiếc huân chương": cha đeo huân chương khi bạn bè của con tới nhà, rồi đặt huân chương lên mộ đồng đội. Cấu tứ của bài thơ sẽ thay đổi thế nào?

Gợi ý trả lời trong tài liệu chỉ ra hai chỗ cấu tứ sẽ gãy: bài thơ dựa trên quãng hiểu lầm của người con (con "xấu hổ" vì chiếc áo "cũ kĩ", còn huân chương là vật sáng, đưa trẻ khó xấu hổ vì nó), và hình ảnh "gạch nối âm dương" khó đứng vững khi tấm kim loại ghi công không che chở, không truyền hơi ấm như tấm áo "sẻ chia hơi ấm". Một câu hỏi như vậy dạy học sinh một điều quan trọng hơn mọi đáp án: **mỗi hình ảnh trong thơ đứng ở đó vì một lí do.**

Điều thứ tư: so sánh theo cấu tứ, không so sánh theo đề tài.

Câu 2 phần Viết của Đề 11 cho sẵn một đoạn thơ liên hệ của Trương Đăng Dung ("Viết cho con", Báo Nhân Dân, 28/8/2017). Hướng dẫn chấm đòi hỏi so sánh ở tầng cấu tứ và thủ pháp, không dừng lại ở câu "cả hai đều viết về người cha":

Ở "Chiếc áo của cha", con là người kể, cha không nói một lời; tình thương hiện ra gián tiếp qua kỉ vật, con hiểu ra sau một quãng hiểu lầm. Ở đoạn thơ của

Trương Đăng Dung, người cha cất lời với đứa con tương lai, khiêm nhường nhận mình "không biết những điều con sẽ nghĩ" và chỉ giữ một ước mong cho "trái tim con". Nguyên nhân nằm ở điểm nhìn trữ tình: con nhìn lại cha, còn cha hướng tới con.

Rubric của Đề 11 cũng gắn tiêu chí này với từng mức điểm cụ thể, bám đúng khuôn rubric Câu 2 của đề thi 2026 (nội dung 2,5 điểm; kỹ năng phân tích và lập luận 0,75 điểm; hình thức và ngôn ngữ 0,75 điểm).

MỘT ĐỀ GỒM NHỮNG GÌ?

Phần	Nội dung	Điểm nổi bật
Đề bài	Phần Đọc hiểu (5 câu, 4,0 điểm) và phần Viết (Câu 1 nghị luận xã hội khoảng 200 chữ, 2,0 điểm; Câu 2 nghị luận văn học khoảng 600 chữ, 4,0 điểm)	Một bài thơ làm ngữ liệu chung; có chú thích, nguồn, giới thiệu tác giả
Hướng dẫn chấm	Lưu ý chung; đáp án và bảng điểm từng câu Đọc hiểu; câu hỏi phản biện; hướng dẫn chấm phần Viết theo các mục a, b1, b2, b3	Mỗi câu ghi rõ mức nhận thức; cột Lỗi thường gặp; không bài văn mẫu
Rubric chấm phần Viết	Hai bảng riêng cho Câu 1 (2,0 điểm) và Câu 2 (4,0 điểm), chia bốn mức	Tiêu chí gắn với chính bài thơ của đề; tổng điểm luôn khớp thang

Trong bộ tài liệu đầy đủ còn có **trang Điểm mới của Phiên bản 2.1**, lời nói đầu hướng dẫn cách dùng, **mục lục chi tiết có số trang và liên kết** (bấm vào là nhảy đến đúng Đề, Hướng dẫn chấm hoặc Rubric) và bảng tổng quan 25 đề.

DANH MỤC 25 ĐỀ TRONG BỘ TÀI LIỆU

25 bài thơ chia theo bốn chủ đề, từ quê hương và bản sắc, gia đình và tình yêu thương, trưởng thành và khát vọng, đến chiêm nghiệm và lương tâm. Mỗi đề gắn một vấn đề nghị luận xã hội riêng cho Câu 1, nên người luyện qua cả bộ sẽ gặp rất nhiều đề tài khác nhau.

CHỦ ĐỀ 1: QUÊ HƯƠNG VÀ BẢN SẮC

Đề	Bài thơ và tác giả	Vấn đề nghị luận xã hội (Câu 1)
01	"Miền Trung" Nguyễn Tiến Thanh	Văn hóa dân gian nuôi dưỡng sức mạnh tinh thần
02	"Màu tự do của đất" Trần Quang Quý	Tự do của người trẻ và cộng đồng
03	"Bản sắc" Nguyễn Trọng Tạo	Tiếp nhận văn hóa ngoại lai có chọn lọc
04	"Cố quận" Quang Dũng	Giữ kết nối với cộng đồng khi xa quê
05	"Tổ quốc chỉ một mẹ thôi" Nguyễn Tiến Đường	Trách nhiệm của thế hệ trẻ với Tổ quốc
06	"Đò Lèn" Lâm Bằng	Tuổi trẻ dấn thân khi Tổ quốc cần
07	"Buổi trưa đảo xa" Hồ Anh Tuấn	Người thầm lặng canh giữ bình yên

CHỦ ĐỀ 2: GIA ĐÌNH VÀ TÌNH YÊU THƯƠNG

Đề	Bài thơ và tác giả	Vấn đề nghị luận xã hội (Câu 1)
08	"Đi tìm đồng xu nhỏ bé" Nguyễn Hữu Quý	Nói lời yêu thương, cảm ơn kịp lúc
09	"Từ tấm ảnh cũ" Nguyễn Kiến Thọ	Nhận ra thời gian trôi trên cha mẹ
10	"Cho con gái tôi" Nguyễn Long	Gia đình, điểm tựa giữa thế giới ảo

Đề	Bài thơ và tác giả	Vấn đề nghị luận xã hội (Câu 1)
11	"Chiếc áo của cha" Ngô Bá Hòa	Gìn giữ kỉ vật, kỉ ức của cha ông
12	"Đêm trung thu" Thu Bồn	Giữ tình thương khi sống xa người thân
13	"Tiếng thở mẹ nhọc nhằn" Phan Hoàng	Người trẻ bôn ba và cha mẹ già
14	"Nhà xưa" Thái Hoàng Duy	Người trẻ và nơi để trở về

CHỦ ĐỀ 3: TRƯỞNG THÀNH VÀ KHÁT VỌNG

Đề	Bài thơ và tác giả	Vấn đề nghị luận xã hội (Câu 1)
15	"Tạm biệt" Nguyễn Thanh Huyền	Dũng cảm đối diện chia xa để trưởng thành
16	"Mùa xuân" Bình Nguyên Trang	Trân trọng vẻ đẹp bình dị mỗi ngày
17	"Bác ơi!" Tố Hữu	Biết ơn người đi trước bằng hành động
18	"Mùa hạ" Xuân Quỳnh	Sống trọn vẹn tuổi trẻ
19	"Em ở quãng đầu đời..." Bằng Việt	Dám sai và biết sửa sai

CHỦ ĐỀ 4: CHIÊM NGHIỆM VÀ LƯƠNG TÂM

Đề	Bài thơ và tác giả	Vấn đề nghị luận xã hội (Câu 1)
20	"Tạ lỗi cánh đồng" Trương Nam Hương	Dám thừa nhận sự vô tâm với gia đình
21	"Mất bò" Hữu Việt	Tôn trọng người lao động thầm lặng

Đề	Bài thơ và tác giả	Vấn đề nghị luận xã hội (Câu 1)
22	"Cô hái mơ" Nguyễn Bính	Giữ sự trong sáng, hồn nhiên
23	"Đôi mắt người Sơn Tây" Quang Dũng	Chung tay kiến thiết quê hương sau biến cố
24	"Là Việt" Nguyễn Phan Quế Mai	Căn cước văn hoá của người trẻ hội nhập
25	"Thời gian khắc khoải" Lê Huy Mậu	Hạnh phúc từ những giá trị bình dị

CÁCH DÙNG HIỆU QUẢ

Với học sinh:

- Làm đề trong 120 phút như thi thật, chưa mở Hướng dẫn chấm.
- Chấm phần Đọc hiểu theo bảng điểm thành phần, đối chiếu cột "Lỗi thường gặp" để biết mình hay sai dạng nào.
- Viết Câu 1 và Câu 2, rồi đối chiếu từng ý với mục b2.1, b2.2, b2.3, b2.4 và tự chấm theo Rubric.
- Thử trả lời câu hỏi phản biện cuối phần Đọc hiểu; đây là chỗ phân hóa học sinh giỏi.

Với giáo viên:

- Dùng nguyên đề làm đề kiểm tra hoặc ôn tập; Hướng dẫn chấm và Rubric đã sẵn để thống nhất cách chấm trong tổ.
- Dùng phần Lỗi thường gặp để thiết kế tiết chữa bài theo nhóm lỗi, thay vì chữa lần lượt từng bài.
- Dùng câu hỏi phản biện làm đề thảo luận hoặc bồi dưỡng học sinh giỏi.

ĐỀ LUYỆN TẬP SỐ 11

CHỦ ĐỀ 2: GIA ĐÌNH VÀ TÌNH YÊU THƯƠNG - Thời gian làm bài: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

CHIẾC ÁO CỦA CHA

Ngô Bá Hòa

Tuổi chiếc áo bằng một nửa tuổi Cha
mỗi nếp gấp mang dáng hình đồng đội
mỗi mảnh vá chứa bao điều muốn nói
về một thời trận mạc của Cha.

Ngày con sinh ra
đất nước hoà bình
với bạn bè con hay xấu hổ
khi thấy Cha mặc chiếc áo xanh cũ kĩ
đâu biết với Cha là kỉ vật cuộc đời

Nơi nghĩa trang nghi ngút khói hương
trước hàng hàng ngôi mộ
cha đắp áo sẻ chia hơi ấm
với đồng đội xưa yên nghỉ chốn này

Khoé mắt con chợt cay
khi chứng kiến nghĩa tình người lính
không khoảng cách nào giữa người còn người mất
chiếc áo bạc màu hoá gạch nối âm dương.

(Ngô Bá Hòa, *Chùm thơ tác giả trẻ Ngô Bá Hòa ở Lạng Sơn*, vanvn.vn, Hội Nhà văn Việt Nam, đăng ngày 4/9/2021, <https://vanvn.vn/chum-tho-tac-gia-tre-ngo-ba-hoa-o-lang-son/>)

Giới thiệu tác giả: Ngô Bá Hòa sinh năm 1987, quê Lạng Sơn, tốt nghiệp Khoa Sân khấu, Điện ảnh, Viết văn, Trường Đại học Văn hoá nghệ thuật Quân đội; là hội viên Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam và Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Lạng Sơn. Anh đã xuất bản các tập thơ "Lớp học mùa mưa" (thơ thiếu nhi, 2009) và "Cánh đồng cỏ úa" (2014); từng nhận Giải thưởng Văn học nghệ thuật Hoàng Văn Thụ tỉnh Lạng Sơn (2009, 2014) và Giải thưởng Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam (2014). Thơ anh gắn với con người, văn hoá, làng bản miền núi.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Căn cứ vào số tiếng trong các dòng thơ, hãy xác định thể thơ của bài thơ.

Câu 2 (0,5 điểm). Ở khổ thơ thứ nhất và thứ hai, chiếc áo của cha được miêu tả qua những từ ngữ, chi tiết nào?

Câu 3 (1 điểm). Nhận xét về sự vận động trong cảm xúc của người con từ khổ thơ thứ hai đến khổ thơ cuối.

Câu 4 (1 điểm). Hình ảnh chiếc áo trong hai dòng thơ kết bài mang ý nghĩa gì?

*không khoảng cách nào giữa người còn người mất
chiếc áo bạc màu hoá gạch nối âm dương.*

Câu 5 (1 điểm). Bài thơ không kể chiến công của người cha mà chọn một chiếc áo cũ làm hình ảnh trung tâm. Anh/chị đánh giá thế nào về lựa chọn ấy? Trình bày khoảng 5 đến 7 dòng.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Người con trong bài thơ từng "xấu hổ" khi cha mặc "chiếc áo xanh cũ kĩ", mãi sau mới hiểu với cha đó là "kỉ vật cuộc đời". Trong nhiều gia đình hôm nay, kỉ vật của ông bà, cha mẹ (một lá thư, một tấm ảnh, một chiếc ba lô cũ...) vẫn đang bị cất quên hoặc bỏ đi. Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của việc gìn giữ kỉ vật và kỉ ức của thế hệ đi trước.

Câu 2 (4 điểm). Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích hình ảnh chiếc áo và sự vận động cảm xúc của người con trong bài thơ "Chiếc áo của cha" (Ngô Bá Hòa); đánh giá đặc sắc nghệ thuật của bài thơ. Trong bài viết, hãy so sánh với đoạn thơ sau để làm rõ cách người cha trong mỗi văn bản gửi gắm tình thương:

*Mai ngày con lớn lên
bố không biết những điều con sẽ nghĩ
(...)
bố chỉ mong trái tim con đừng bao giờ lạc lõng
trước mọi vui buồn bất hạnh của thời con.*

(Trương Đăng Dung, "Viết cho con", 1988, trích; Báo Nhân Dân, 28/8/2017)

----- HẾT -----

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.)

HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề luyện tập số 11: "Chiếc áo của cha" - Ngô Bá Hòa

I. LƯU Ý CHUNG

Điểm thành phần ở từng câu chỉ là chỗ dựa để chấm thống nhất; khi thí sinh trả lời đúng bản chất bằng cách nói khác, vẫn cho điểm tương ứng. Phần Viết chấm theo Rubric, đối chiếu với Hướng dẫn chấm.

II. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm): Thể thơ và căn cứ [Nhận biết]

Bài thơ viết theo thể thơ tự do. Số tiếng trong các dòng không đều: có dòng chỉ bốn tiếng ("Ngày con sinh ra", "đất nước hoà bình"), có dòng tới chín tiếng ("khi thấy Cha mặc chiếc áo xanh cũ kĩ", "chiếc áo bạc màu hoá gạch nối âm dương"). Số dòng trong các khổ cũng không cố định (khổ hai năm dòng, các khổ còn lại bốn dòng).

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Xác định đúng thể thơ tự do	0,25	Gọi nhầm thành thơ năm chữ hoặc thơ bảy chữ vì chỉ nhìn một vài dòng
Nêu đúng căn cứ về số tiếng không đều, có dẫn ví dụ	0,25	Chỉ nói chung chung là dòng dài dòng ngắn, không dẫn số tiếng cụ thể
Trả lời sai hoặc không trả lời	0,0	

Câu 2 (0,5 điểm): Chi tiết miêu tả chiếc áo [Nhận biết]

Chiếc áo được miêu tả qua: tuổi áo "bằng một nửa tuổi Cha"; "mỗi nếp gấp", "mỗi mảnh vá" (khổ một); màu "xanh" và vẻ "cũ kĩ" ("chiếc áo xanh cũ kĩ", khổ hai).

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Nêu đúng từ 3 từ ngữ, chi tiết trở lên	0,5	Trích sai chữ hoặc chép thừa

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Nêu đúng 1 đến 2 từ ngữ, chi tiết	0,25	
Trả lời sai hoặc không trả lời	0,0	

Lưu ý chấm: Cụm từ "kỉ vật cuộc đời" là cách người cha nhìn chiếc áo, không phải đặc điểm bề ngoài; học sinh nêu kèm thì không trừ điểm nhưng không tính là một chi tiết.

Câu 3 (1 điểm): *Ba chặng cảm xúc của người con* [Thông hiểu]

Cảm xúc của người con đi từ xấu hổ vì chưa hiểu, qua xúc động lặng lẽ, đến thấu hiểu và kính phục cha. Có thể chia sự vận động ấy thành ba chặng, mỗi chặng neo vào một dòng thơ:

Chặng	Dòng thơ làm mốc	Cảm xúc của người con
Khổ hai: thuở nhỏ, thời bình	"khi thấy Cha mặc chiếc áo xanh cũ kĩ"	"xấu hổ" với bạn bè; mới thấy cái cũ bên ngoài, "đâu biết" giá trị bên trong
Khổ ba: ở nghĩa trang	cha "đắp áo sẻ chia hơi ấm"	khổ thơ không có chữ "con", chỉ ghi hành động của cha; có thể hình dung người con lặng lẽ đứng nhìn. Đây là bước ngoặt
Khổ bốn: thấu hiểu	"khi chứng kiến nghĩa tình người lính"	"Khoé mắt con chột cay": xúc động, nhận ra "không khoảng cách nào giữa người còn người mất"

Đáng chú ý là cặp chữ "thấy" và "chứng kiến": cùng là nhìn, nhưng "thấy" dừng ở chiếc áo, còn "chứng kiến" đã nhìn ra một "nghĩa tình". Cảm xúc vì thế đi từ ngoài vào trong, từ cái xấu hổ trước bạn bè đến lúc "Khoé mắt con chột cay". Sự chuyển biến hợp lí vì có một sự việc làm bước ngoặt (cảnh đắp áo ở nghĩa trang), không phải tự nhiên mà hiểu. Khổ một có thể đọc là cái nhìn của người con khi đã hiểu ("mỗi nếp gấp mang dáng hình đồng đội"), nên cả bài mang dáng một hồi tưởng: đứng ở hiện tại để kể lại quãng mình từng không hiểu, qua đó bộc lộ sự ân hận nhẹ nhàng và lòng kính phục người cha.

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Chỉ ra chặng xấu hổ, chưa hiểu ở khổ hai, có căn cứ ("xấu hổ", "đâu biết")	0,25	Trích sai chữ hoặc chép thừa
Chỉ ra bước ngoặt ở nghĩa trang và chặng xúc động, thấu hiểu ở khổ bốn ("Khoé mắt con chột cay")	0,25	Bỏ sót bước ngoặt ở nghĩa trang, nhảy thẳng từ xấu hổ sang xúc động
Nhận xét về sự vận động: từ ngoài vào trong, có sự việc làm bước ngoặt, tự nhiên và hợp lí	0,25	Ý lộn xộn, thiếu lí giải
Nêu ý nghĩa: sự trưởng thành trong nhận thức, ân hận, kính phục và trân trọng người cha	0,25	Nêu chung chung là người con thương cha, không gắn với các dòng thơ

Câu 4 (1 điểm): Chiếc áo "hoá gạch nối âm dương" [Thông hiểu]

Hai dòng thơ cho thấy chiếc áo đã trở thành biểu tượng của nghĩa tình đồng đội, sợi dây nối người còn sống với người đã khuất.

- **Chữ "bạc màu"**. Chiếc áo "xanh cũ kỹ" ở khổ hai nay đã "bạc màu": dấu của thời gian và của "một thời trận mạc". Cái từng làm người con xấu hổ trở thành chứng tích của năm tháng.
- **Chữ "hoá"**. Động từ đánh dấu sự chuyển hóa từ vật dụng thành biểu tượng. Chiếc áo không đổi hình dạng; chỉ cách nhìn của người con đã đổi.
- **Cụm từ "gạch nối"**. Dấu gạch nối là một nét rất nhỏ nhưng gắn hai tiếng thành một. Ấn dụ này hợp với chiếc áo: một tấm vải mỏng mà nối được hai thế giới.
- **Cụm từ "âm dương"**. Cõi những người đã khuất (đồng đội dưới "hàng hàng ngôi mộ") và cõi người đang sống (người cha). Dòng thơ trước đã nói thẳng: "không khoảng cách nào giữa người còn người mất".

Gộp lại, sự nối kết ấy có cơ sở từ một hành động rất cụ thể ở khổ ba: cha "đắp áo sẽ chia hơi ấm". Qua đó, nhà thơ ngợi ca nghĩa tình đồng đội thủy chung, bền chặt vượt qua cả cái chết, đồng thời bày tỏ niềm xúc động, trân trọng của người con.

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Giải mã đúng nghĩa ít nhất hai từ ngữ then chốt ("bạc màu", "hoá", "gạch nối", "âm dương")	0,25	Chỉ diễn xuôi, chưa giải mã nghĩa hàm ẩn
Nêu đúng ý nghĩa biểu tượng: chiếc áo là sợi dây nối người sống với người đã khuất, gắn với hành động đắp áo ở khổ ba	0,25	Chỉ nhắc "gạch nối" mà không nói nối cái gì với cái gì
Nói với dòng thơ trước ("không khoảng cách nào...") hoặc chỉ ra sự chuyển hóa từ vật dụng thành biểu tượng	0,25	Không nối được với dòng thơ trước hoặc với khổ ba
Nêu tình cảm: nghĩa tình đồng đội bền chặt; niềm xúc động, trân trọng của người con	0,25	Chỉ nói chung chung là ca ngợi tình đồng đội, không gắn với hình ảnh chiếc áo

Câu 5 (1 điểm): Đánh giá lựa chọn hình ảnh trung tâm [Vận dụng]

Đây là một lựa chọn tinh tế và giàu sức thuyết phục. Chiếc áo là vật bình thường đến mức một đứa trẻ có thể xấu hổ vì nó, nên khi nó trở thành "kỉ vật cuộc đời" rồi "hoá gạch nối âm dương", người đọc được đi cùng người con trọn một quãng nhận thức, chứ không bị áp đặt một lời ca ngợi có sẵn. Chiếc áo lại mang những dấu vết nhìn thấy được ("nếp gấp", "mảnh vá", "bạc màu"), nên chiến tranh hiện ra qua sự hao mòn chứ không qua tiếng súng. Hơn thế, tấm áo có thể được "đắp" lên mộ để "sẻ chia hơi ấm", điều một lời ca ngợi trực tiếp không làm được: hình ảnh trung tâm vừa là kí ức vừa là hành động của tình đồng đội. Nhờ vậy, một bài thơ ngắn vẫn nói được ba mối quan hệ: cha với con, cha với đồng đội, người sống với người đã khuất.

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Nêu rõ ý kiến đánh giá về lựa chọn hình ảnh chiếc áo	0,25	Trả lời chung chung, thiếu căn cứ từ bài thơ
Lí giải bằng 2 đến 3 lí lẽ gắn với chi tiết trong bài (vật bình thường thành biểu tượng; dấu vết hao mòn; hành động đắp áo)	0,5	Trả lời chung chung, thiếu căn cứ từ bài thơ; Ý lộn xộn, thiếu lí giải
Diễn đạt mạch lạc, đúng dung lượng 5 đến 7 dòng	0,25	Sai dung lượng yêu cầu

Lưu ý chấm: Chấp nhận đánh giá khác, kể cả ý kiến cho rằng hình ảnh chiếc áo người lính khá quen thuộc, miễn là có lí lẽ dựa vào câu chữ của bài thơ và lập luận chặt chẽ.

Câu hỏi phản biện cho học sinh giỏi (không tính điểm)

Giả sử nhà thơ thay "chiếc áo" bằng "chiếc huân chương": cha đeo huân chương khi bạn bè của con tới nhà, rồi đặt huân chương lên mộ đồng đội. Cấu tứ của bài thơ sẽ thay đổi thế nào?

Gợi ý: Cấu tứ sẽ gãy ở hai chỗ. Trước hết, bài thơ dựa trên quãng hiểu lầm của người con: con "xấu hổ" vì chiếc áo "cũ kĩ". Huân chương là vật sáng, được xã hội tôn vinh; đứa trẻ nhiều khả năng sẽ tự hào chứ không xấu hổ, nên bài mất chặng "đâu biết" và mất luôn khoảnh khắc "Khoé mắt con chợt cay" như một sự vỡ lẽ. Chỗ gãy thứ hai nằm ở khổ ba: nếp áo "mang dáng hình đồng đội" và tấm áo đắp lên mộ được để "sẻ chia hơi ấm", còn tấm kim loại ghi công thì không che chở, không truyền hơi ấm. Hình ảnh "gạch nối âm dương" vì thế khó đứng vững. Bài thơ sẽ chuyển từ cấu tứ hiểu muộn sang một lời ca ngợi trực tiếp và mất đi chiều sâu.

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Vấn đề cần bàn là ý nghĩa của việc gìn giữ kỉ vật và kí ức của thế hệ đi trước. Thí sinh viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, lí lẽ đi kèm bằng chứng từ đời sống hoặc từ chính trải nghiệm trong gia đình mình.

b. Yêu cầu cụ thể: Đoạn văn có thể sắp xếp linh hoạt, nhưng nên đi theo trật tự nghị luận dưới đây, mỗi lí lẽ có bằng chứng đi kèm. Các ý chính:

- Ý 1) Giải thích, nêu vấn đề. Kỉ vật là đồ vật gắn với một con người, một quãng đời, một sự kiện cụ thể; giá trị của nó nằm ở câu chuyện được cất bên trong chứ không ở giá tiền hay độ mới. Kỉ vật là nơi kí ức của ông bà, cha mẹ bám vào để khỏi tan đi theo năm tháng. Chiếc áo trong bài thơ là ví dụ rõ nhất: bề ngoài chỉ là "chiếc áo xanh cũ kĩ", bên trong là cả "một thời trận mạc". Gìn giữ kỉ vật, vì thế, là gìn giữ câu chuyện nó mang theo.
- Ý 2) Bàn luận ý nghĩa ở nhiều tầng. Với mỗi người, kỉ vật giúp hiểu cha ông bằng chứng cứ cầm nắm được, thay cho những lời kể chung chung: một "mảnh vá" nói về gian khổ rõ hơn nhiều lời giảng. Với gia đình, cùng giữ và kể lại chuyện của một

kỉ vật làm các thế hệ xích lại gần nhau, nuôi lòng biết ơn. Với cộng đồng, kỉ vật riêng góp lại thành kí ức chung của dân tộc: cuốn nhật kí của liệt sĩ, bác sĩ Đặng Thùy Trâm được một cựu binh Mỹ giữ nhiều năm rồi trao trả gia đình, in thành sách năm 2005, được đông đảo bạn đọc, nhất là bạn đọc trẻ, đón nhận.

- Ý 3) Phản đề và bài học. Cần phê phán thái độ coi đồ cũ là vô dụng, xấu hổ vì cái cũ như người con thuở nhỏ, bỏ đi kỉ vật mà không hỏi đến câu chuyện của nó. Mặt khác, giữ kỉ vật không có nghĩa là tích trữ mọi đồ cũ hay sống mãi trong quá khứ; điều cốt lõi là giữ được câu chuyện và tinh thần kỉ vật chứa đựng. Nhận thức: trân trọng kỉ vật là một cách biết ơn và tự hiểu mình. Hành động: hỏi chuyện ông bà, cha mẹ về một đồ vật cũ trong nhà; ghi lại, chụp ảnh, bảo quản cẩn thận; khi phù hợp, trao cho nhà truyền thống, bảo tàng.

Câu 2 (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Bài văn khoảng 600 chữ cần làm rõ hai trục: hình ảnh chiếc áo và sự vận động cảm xúc của người con; có đánh giá đặc sắc nghệ thuật và so sánh với đoạn thơ của Trương Đăng Dung ở cách người cha gửi gắm tình thương. Chứng cứ chủ yếu lấy từ chính "Chiếc áo của cha".

b. Yêu cầu cụ thể: thí sinh triển khai bài viết theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận; cần bảo đảm các yêu cầu sau:

b1. Viết được mở bài và kết bài cho bài văn nghị luận văn học. Mở bài dẫn vào bài thơ "Chiếc áo của cha" (Ngô Bá Hòa) và nêu được hai trục cần phân tích; kết bài nói được điều chiếc áo để lại trong người đọc, tránh nhắc lại thân bài.

b2. Phân tích, đánh giá

b2.1 Giới thiệu hình thức, đề tài, nhân vật trữ tình, mạch hồi tưởng (0,25 điểm)

Nêu được bốn yếu tố: (1) Hình thức: thơ tự do, bốn khổ, dòng dài ngắn không đều (từ bốn đến chín tiếng), lời thơ gần lời kể. (2) Đề tài: người cha từng là người lính và chiếc áo, kỉ vật thời chiến. (3) Nhân vật trữ tình: người con, sinh ra khi "đất nước hoà bình"; hình ảnh trung tâm là chiếc áo, có mặt ở cả bốn khổ. (4) Mạch cảm xúc theo lối hồi tưởng: khổ một có thể đọc là cái nhìn của người con khi đã hiểu, khổ hai lùi về quãng "xấu hổ", khổ ba là cảnh ở nghĩa trang, khổ bốn là lúc vỡ lẽ. Điểm đáng nêu: khổ ba vắng hần chữ "con", người con chỉ lặng lẽ chứng kiến.

b2.2.1 Hình ảnh chiếc áo qua ba lớp nghĩa (0,75 điểm)

- Ý 1) Vật dụng mang dấu thời gian. Câu mở "Tuổi chiếc áo bằng một nửa tuổi Cha" đo tuổi áo bằng tuổi người, cho thấy cha giữ áo suốt nửa đời; các chi tiết "nếp gấp", "mảnh vá", "xanh cũ kĩ" rồi "bạc màu" là những vết hao mòn nhìn thấy được. Lối tả kiệm lời, chỉ đặt dấu vết trước mắt, biến chiếc áo thành chứng tích của sự gắn bó, nâng niu.
- Ý 2) Kỉ vật chứa kí ức chiến tranh và đồng đội. Phép điệp "mỗi nếp gấp", "mỗi mảnh vá" cùng hai động từ "mang", "chứa" biến tấm vải thành nơi cất giữ "dáng hình đồng đội" và "bao điều muốn nói" về "một thời trận mạc". Áo như có lời mà không nói ra; với cha, đó là "kỉ vật cuộc đời". Chiến tranh hiện ra qua dấu vết, không qua tiếng súng.
- Ý 3) Biểu tượng nỗi người sống và người đã khuất. Ở nghĩa trang "nghỉ ngút khói hương", cha "đắp áo sẻ chia hơi ấm" cho đồng đội, cử chỉ như với người còn sống: áo từ chỗ được mặc thành được trao đi. Ẩn dụ "gạch nối âm dương" chót lại: một nét nhỏ mà nối hai cõi; màu "bạc" thay màu "xanh", tình nghĩa thì không phai.
- Ý 4) Trọng tâm: chỉ ra sự chuyển hóa từ vật dụng thành kỉ vật rồi thành biểu tượng, được đánh dấu bằng động từ "hoá". Chiếc áo không đổi hình dạng, chỉ cách nhìn của người con đã đổi. Hình ảnh trung tâm có mặt ở cả bốn khổ, như sợi chỉ xuyên chuỗi câu tứ, nhờ vậy bài thơ ngắn mà chặt và có chiều sâu.

b2.2.2 Sự vận động cảm xúc của người con (0,75 điểm)

- Ý 1) Chặng chưa hiểu: "với bạn bè con hay xấu hổ / khi thấy Cha mặc chiếc áo xanh cũ kĩ". Chữ "hay" cho thấy cái xấu hổ lặp lại nhiều lần; cụm "đâu biết" là lời tự nhận của người con hôm nay. Hai dòng ngắn "Ngày con sinh ra / đất nước hoà bình" lí giải vì sao đứa trẻ thời bình chỉ thấy cái cũ bên ngoài.
- Ý 2) Bước ngoặt ở nghĩa trang. Khổ ba vắng hẳn chữ "con", chỉ còn khung cảnh "nghỉ ngút khói hương", "hàng hàng ngôi mộ" (lối lặp gợi số đông người đã nằm xuống) và hành động của cha. Sự vắng mặt ấy là điểm nhìn lặng lẽ: con đứng nhìn, chưa nói được gì; cảm xúc chuyển hướng nhờ một cảnh tận mắt.
- Ý 3) Chặng xúc động, thấu hiểu: "Khoé mắt con chột cay / khi chứng kiến nghĩa tình người lính". Chữ "chột" ghi khoảnh khắc vỡ lẽ bất ngờ; chữ "cay" là cảm giác của thân thể, nói được xúc động mà không cần gọi tên nước mắt. Cái xấu hổ năm nào chuyển thành ân hận lặng lẽ và lòng kính phục người cha.
- Ý 4) Trọng tâm: thấy được sự đổi từ "thấy" (khổ hai, nhìn bề ngoài chiếc áo) sang "chứng kiến" (khổ bốn, nhìn ra một "nghĩa tình"); nhận ra khổ một là giọng người

con khi đã hiểu, nên cả bài là một hồi tưởng khép vòng. Cảm xúc đi từ ngoài vào trong và có sự việc làm bước ngoặt, vì thế tự nhiên, thuyết phục.

b2.3 Đánh giá đặc sắc nghệ thuật và nội dung (0,5 điểm)

- Ý 1) Nghệ thuật: thể tự do với dòng ngắn dài theo nhịp kể; hình ảnh trung tâm xuyên suốt, chuyển hóa qua ba nấc nghĩa; phép điệp "mỗi nếp gấp", "mỗi mảnh vá"; ẩn dụ "gạch nối âm dương" khá mới mẻ và có cơ sở từ hành động đắp áo; kết cấu hồi tưởng có bước ngoặt. Lời thơ giản dị, đôi chỗ còn quen ("nghĩa tình người lính") nhưng hợp giọng người con kể chuyện cha.
- Ý 2) Nội dung: bài thơ ngợi ca nghĩa tình đồng đội thủy chung của người lính, bền chặt vượt qua cả ranh giới sống chết; đồng thời ghi lại sự trưởng thành trong nhận thức của thế hệ sinh ra thời bình, từ chỗ chỉ thấy cái cũ đến chỗ hiểu cái quý. Đằng sau là lòng biết ơn những người đã hi sinh và lời nhắc về cách người trẻ nhìn lại quá khứ của cha anh.

b2.4 So sánh với đoạn thơ của Trương Đăng Dung (0,25 điểm)

Tiêu chí: cấu tứ và thủ pháp gửi gắm tình thương, không dừng ở đề tài chung "người cha". Tương đồng: ở cả hai văn bản, người cha không nói lời lớn lao; tình thương nằm trong những điều không nói hết. Ở Ngô Bá Hòa, nó nằm trong cách cha giữ và trao chiếc áo, cha không nói một lời; ở Trương Đăng Dung, nó nằm trong một ước mong khiêm nhường, "chỉ mong trái tim con đừng bao giờ lạc lõng", không phải lời dạy bảo.

Khác biệt: ở "Chiếc áo của cha", con là người kể, cha không nói một lời; tình thương hiện ra gián tiếp qua kỉ vật, con hiểu ra sau một quãng hiểu lầm. Ở đoạn thơ của Trương Đăng Dung, người cha cất lời với đứa con tương lai, khiêm nhường nhận mình "không biết những điều con sẽ nghĩ" và chỉ giữ một ước mong cho "trái tim con". Nguyên nhân nằm ở điểm nhìn trữ tình: con nhìn lại cha, còn cha hướng tới con; vì thế một bên là tình thương được hiểu muộn, một bên là tình thương trao về phía trước.

Rút ra: tình thương của cha thường kiệm lời; con cần biết lắng nhìn để hiểu, cha cần biết gửi lại điều đáng gửi.

b3. Kỹ năng phân tích, lập luận và hình thức, ngôn ngữ: chấm theo các tiêu chí II và III của Rubric.

Ghi nhận bài làm có phát hiện riêng được chứng minh bằng chữ trong bài, chẳng hạn cặp chữ "thấy" và "chứng kiến", hoặc cách đặt chiếc áo (cha không nói một lời) cạnh

cấu trúc "bố không biết ... bố chỉ mong ..." (cha lên tiếng mà chỉ giữ lại một điều mong).

Lưu ý khi chấm phần Viết

Đoạn thơ của Trương Đăng Dung là ngữ liệu đối chiếu; bài làm dành phần lớn dung lượng cho "Chiếc áo của cha" là đúng trọng tâm. Bài dàn đều hai văn bản đến mức phân phân tích chính bị mỏng thì không đạt Mức 4 ở b2.2.1 và b2.2.2.

Bài làm có thể phân tích hai trực tách riêng hoặc đan vào nhau theo từng khổ thơ; chấp nhận nếu đủ chứng cứ và không bỏ sót ý nào của b2.2.1 và b2.2.2.

RUBRIC CHẤM ĐIỂM PHẦN "II. VIẾT"
Đề luyện tập số 11: "Chiếc áo của cha" - Ngô Bá Hòa

Câu	Tiêu chí	Thành phần nội dung	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Câu 1 (2,0 điểm)	<i>Vấn đề: Ý nghĩa của việc gìn giữ kỉ vật, kỉ ức của thế hệ đi trước</i>		(1,75 - 2,0 điểm)	(1,25 - 1,5 điểm)	(0,75 - 1,0 điểm)	(0,0 - 0,5 điểm)
	I. Nội dung kiến thức (1,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề nghị luận (0,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề: ý nghĩa của việc gìn giữ kỉ vật và kỉ ức của thế hệ đi trước.			Không xác định được hoặc xác định sai vấn đề nghị luận (ví dụ chỉ bàn về tình cha con).
			0,25 điểm			0,0 điểm
		Nội dung triển khai (1,0 điểm)	Triển khai đủ ba ý như Hướng dẫn chấm, các ý liên kết chặt chẽ và có dẫn chứng.	Nêu được 02 ý, trong đó có Ý 2.	Nêu được 01 ý.	Ý sơ sài, chung chung hoặc lạc sang vấn đề khác.
			1,0 điểm	0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm

Câu	Tiêu chí	Thành phần nội dung	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
	II. Kỹ năng phân tích và lập luận (0,5 điểm)	Quan điểm, thao tác, bằng chứng (0,5 điểm)	Trình bày được quan điểm riêng; chọn thao tác nghị luận phù hợp; lập luận chặt chẽ, logic, có ít nhất 01 bằng chứng thuyết phục.	- Đáp ứng được 01 hoặc 02 trong 03 yêu cầu như Mức 4.	- Không đáp ứng được yêu cầu nào như Mức 4.	
			0,5 điểm	0,25 điểm	0,0 điểm	
	III. Hình thức và ngôn ngữ (0,25 điểm)	Đoạn văn, diễn đạt, dung lượng (0,25 điểm)	Đáp ứng đủ 04 yêu cầu: trình bày đúng hình thức đoạn văn; hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, đúng ngữ pháp, không mắc lỗi chính tả; trình bày khoa học, rõ ràng, sạch đẹp; dung lượng khoảng 200 chữ (chênh lệch không quá 100 chữ).	Đáp ứng đủ 03 trong 04 yêu cầu.	Đáp ứng 02 trong 04 yêu cầu.	Đáp ứng 01 trong 04 yêu cầu hoặc không đáp ứng yêu cầu nào.
			0,25 điểm		0,0 điểm	

Câu	Tiêu chí	Thành phần nội dung	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Câu 2 (4,0 điểm)	<i>Vấn đề: Chiếc áo và cảm xúc người con; so sánh với "Viết cho con" (cách người cha gửi gắm tình thương)</i>		(3,0 - 4,0 điểm)	(2,0 - 2,75 điểm)	(0,75 - 1,75 điểm)	(0,0 - 0,5 điểm)
	I. Nội dung kiến thức (2,5 điểm)	b2.1 Giới thiệu hình thức, đề tài, nhân vật trữ tình, mạch hồi tưởng (0,25 điểm)	Nêu đủ bốn yếu tố của mục b2.1 trong Hướng dẫn chấm.	Nêu được 03 trong 04 yếu tố, trong đó có mạch cảm xúc.	Nêu được 01 đến 02 yếu tố.	Không giới thiệu hoặc giới thiệu sai (ví dụ nhầm nhân vật trữ tình là người cha).
			0,25 điểm			0,0 điểm
		b2.2.1 Hình ảnh chiếc áo qua ba lớp nghĩa (0,75 điểm)	Phân tích đủ ba lớp nghĩa (Ý 1 đến Ý 3) và chỉ ra sự chuyển hóa từ vật dụng thành biểu tượng (Ý 4), có chứng cứ từ bài thơ.	Phân tích được hai lớp nghĩa, trong đó có lớp biểu tượng "gạch nối âm dương".	Phân tích được một lớp nghĩa, hoặc chủ yếu diễn xuôi lời thơ.	Kể lại nội dung, không phân tích hình ảnh; trích dẫn sai.
			0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm	0,0 điểm

Câu	Tiêu chí	Thành phần nội dung	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
		b2.2.2 Sự vận động cảm xúc của người con (0,75 điểm)	Phân tích đủ ba chặng cảm xúc (Ý 1 đến Ý 3) và nhận ra sự đổi từ "thấy" sang "chứng kiến" cùng kết cấu hồi tưởng (Ý 4), có dẫn chứng.	Nêu được 02 trong 03 chặng (Ý 1 đến Ý 3), bắt buộc có bước ngoặt ở nghĩa trang; hoặc đủ ba chặng nhưng chưa thấy sự đổi từ "thấy" sang "chứng kiến" và kết cấu hồi tưởng.	Chỉ nêu cảm xúc đầu và cuối (xấu hổ, xúc động), bỏ qua bước ngoặt ở nghĩa trang.	Không phân tích cảm xúc của người con hoặc hiểu sai.
			0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm	0,0 điểm
		b2.3 Đánh giá đặc sắc nghệ thuật và nội dung (0,5 điểm)	Đánh giá đủ hai phương diện như mục b2.3: nghệ thuật (có cân nhắc ưu điểm và hạn chế) và nội dung.	Đánh giá được cả nghệ thuật và nội dung nhưng chưa đủ ý.	Đánh giá được một phương diện.	Không đánh giá hoặc chỉ khen chung chung.
			0,5 điểm	0,25 điểm		0,0 điểm

Câu	Tiêu chí	Thành phần nội dung	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
		b2.4 So sánh với đoạn thơ của Trương Đăng Dung (0,25 điểm)	Đáp ứng đầy đủ các ý của mục b2.4 trong Hướng dẫn chấm: tiêu chí, tương đồng, khác biệt kèm nguyên nhân.	So sánh được nhưng chỉ ở một phương diện (tương đồng hoặc khác biệt).	Có đối chiếu nhưng chung chung, chủ yếu theo đề tài.	Không so sánh hoặc so sánh gượng ép, sai nội dung đoạn thơ.
			0,25 điểm			0,0 điểm
	II. Kỹ năng phân tích và lập luận (0,75 điểm)	Chọn chi tiết, thao tác, kết nối (0,75 điểm)	Chọn được chi tiết tiêu biểu; dùng thành thạo các thao tác phân tích, so sánh, đánh giá; kết nối thuyết phục với đoạn thơ của Trương Đăng Dung (và, khi có thể, với đời sống).	Đáp ứng 02 trong 03 yêu cầu như Mức 4.	Đáp ứng 01 trong 03 yêu cầu như Mức 4.	Không đáp ứng yêu cầu nào.
			0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm	0,0 điểm

Câu	Tiêu chí	Thành phần nội dung	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
	III. Hình thức và ngôn ngữ (0,75 điểm)		- Bố cục 3 phần rõ ràng (Mở bài - Thân bài - Kết bài). - Dung lượng: 600 ± 200 chữ. - Hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, đúng ngữ pháp tiếng Việt, không có lỗi chính tả. - Trình bày khoa học, rõ ràng, sạch đẹp.	- Đáp ứng được 03 trong 04 yêu cầu như Mức 4.	- Đáp ứng được 02 trong 04 yêu cầu như Mức 4.	- Đáp ứng được 01 trong 04 yêu cầu như Mức 4.
			0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm	0,0 điểm

ĐỀ LUYỆN TẬP SỐ 21

CHỦ ĐỀ 4: CHIÊM NGHIỆM VÀ LƯƠNG TÂM - Thời gian làm bài: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

MẮT BÒ Hữu Việt

Tôi gặp
một con bò kiên nhẫn đứng nhai mưa
Nó không đứng chơi, trên vai ách nặng
Mắt rợp buồn chiều đông
Người đánh xe ngồi hút thuốc lao cách một xa không
Tôi nói với bò : “Chào anh”. Con bò - im lặng
Như một hiểu lầm, như một cách xa...
Tôi đã thấy
trên đồng dưới sông bờ đê ngõ nhỏ
bò đen bò vàng bò kéo cày bò nhai cỏ,
Sao chỉ nhớ
Cái con bò kiên nhẫn nhai mưa-quá-khứ
Im lặng nhìn tôi
Như một lỗi lầm, như một cách xa...

(*Báo Nhân Dân điện tử, ngày 24/7/2013; tập thơ "Mắt bò", NXB Văn học, 2018*)

Giới thiệu tác giả: Hữu Việt là nhà thơ, nhà báo, từng là Trưởng ban Văn hóa Văn nghệ Báo Nhân Dân. Tập thơ "Mắt bò" do NXB Văn học ấn hành năm 2018, lấy nhan đề từ chính bài thơ này.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định nhân vật trữ tình và đối tượng trữ tình của bài thơ.

Câu 2 (0,5 điểm). Bài thơ có hai dòng gần như lặp lại nhau. Chỉ ra hai dòng thơ ấy và cho biết từ ngữ nào đã được thay đổi.

Câu 3 (1 điểm). Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa trong dòng thơ sau:

Tôi nói với bò : “Chào anh”. Con bò - im lặng

Câu 4 (1 điểm). Lí giải ý nghĩa của sự thay đổi từ ngữ giữa hai dòng thơ gần lặp (đã chỉ ra ở Câu 2) trong mạch cảm xúc của bài thơ.

Câu 5 (1 điểm). Bài thơ khép lại khi con bò "Im lặng nhìn tôi". Từ cái nhìn ấy, anh/chị rút ra thông điệp gì về lương tâm của con người trước những phận lặn lẽ gánh vác cho mình? Trình bày khoảng 5 đến 7 dòng.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Con bò trong bài thơ ở phần Đọc hiểu "kiên nhẫn đứng nhai mưa", "trên vai ách nặng" mà không một lời than. Quanh ta cũng có những người lặn lẽ gánh việc cho người khác: cô lao công quét đường lúc rạng sáng, bác bảo vệ trường học, người giao hàng đội mưa... Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bàn về việc nhìn thấy và tôn trọng những người lao động thầm lặng quanh ta.

Câu 2 (4 điểm). Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích hình ảnh con bò và câu tứ đi từ cuộc gặp gỡ đến nỗi day dứt trong bài thơ "Mất bò" (Hữu Việt); đánh giá đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ; liên hệ với một tác phẩm thơ khác (do anh/chị tự chọn) cũng mang cái nhìn tự vấn của con người để làm nổi bật nét riêng.

----- HẾT -----

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.)

HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề luyện tập số 21: "Mắt bò" - Hữu Việt

I. LƯU Ý CHUNG

Đây là Đáp án tham khảo của người ra đề. Những cách hiểu khác, miễn có căn cứ trong bài thơ và không trái chuẩn mực đạo đức, pháp luật, đều được tôn trọng; giám khảo không tự thêm đáp án ngoài Hướng dẫn chấm.

II. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm): Nhân vật trữ tình và đối tượng trữ tình [Nhận biết]

Nhân vật trữ tình là "tôi", người trực tiếp gặp con bò và cất lời ("Tôi gặp", "Tôi nói với bò", "Tôi đã thấy"). Đối tượng trữ tình là con bò "kiên nhẫn đứng nhai mưa", đặc biệt là đôi mắt của nó ("Mắt rộp buồn chiều đông", "Im lặng nhìn tôi").

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Xác định đúng nhân vật trữ tình "tôi", có căn cứ	0,25	Nhầm thuật ngữ
Xác định đúng đối tượng trữ tình: con bò (đôi mắt con bò)	0,25	Nhầm thuật ngữ
Trả lời sai hoặc không trả lời	0,0	

Câu 2 (0,5 điểm): Hai dòng thơ gần lập [Nhận biết]

Dòng thơ	Phần giữ nguyên	Phần thay đổi
Dòng thứ bảy: "Như một hiểu lầm, như một cách xa..."	cụm mở đầu "Như một" và vế sau "như một cách xa..."	"hiểu lầm"
Dòng cuối: "Như một lỗi lầm, như một cách xa..."	giống dòng thứ bảy	"lỗi lầm"

Một dòng khép lại cuộc gặp (ngay sau lời chào không được đáp), một dòng khép lại cả bài.

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Chỉ ra đúng hai dòng thơ gần lập	0,25	Trích sai chữ hoặc chép thừa

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Chỉ ra đúng từ ngữ thay đổi: "hiều lắm" thành "lỗi lắm"	0,25	Trả lời lạc lệnh hỏi
Trả lời sai hoặc không trả lời	0,0	

Câu 3 (1 điểm): Tiếng "anh" và lời chào không được đáp [Thông hiểu]

Biện pháp nhân hóa thể hiện ở tiếng "anh" trong lời chào "Chào anh": nhân vật "tôi" gọi con bò như gọi một con người và nói với nó như nói với một người lao động gặp bên đường. Nhờ vậy, tác giả đặt con bò vào vị thế của một con người: một người đang mang "ách nặng", đứng "kiên nhẫn" giữa mưa, có đôi "Mắt rợp buồn". Lời chào là cử chỉ giao tiếp giữa người với người, nhưng nó rơi vào khoảng trống: dấu gạch ngang trong "Con bò - im lặng" tách sự im lặng thành một quãng ngắt, khiến lời chào như hẫng lại. Nhờ đó, dòng thơ vừa bày tỏ thái độ thân thiện, trân trọng, cảm thông của "tôi" với con vật lao khổ, vừa hé lộ một khoảng cách chưa vượt qua được, mở đường cho chữ "hiều lắm" ở ngay dòng sau.

Để thấy rõ chỗ nhân hóa này, có thể theo dõi cách nhân vật "tôi" gọi con vật qua bài thơ:

- "Nó" ("Nó không đứng chơi, trên vai ách nặng"): cách gọi thông thường dành cho con vật, giữ khoảng cách của người quan sát.
- "anh" (trong lời chào): con bò được gọi như một người ngang hàng, được chào như khi ta gặp một người lao động bên đường.
- "Con bò", rồi "Cái con bò": sau sự im lặng, cách gọi trở về tên loài, nhưng chữ "Cái" ở dòng thứ mười hai mang sắc thái nhấn mạnh, cá biệt: chính con bò ấy, không lẫn với con nào khác.

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Chỉ ra biểu hiện nhân hóa: gọi con bò là "anh", chào như chào một con người	0,25	Trả lời lạc lệnh hỏi
Tác dụng nghệ thuật: cách gọi chuyển từ "Nó" sang "anh"; lời chào không được đáp, dấu gạch ngang tạo quãng ngắt	0,25	Phân tích theo công thức rỗng
Tác dụng nội dung: con bò hiện lên như một người lao động nhằn nại, ngang hàng với con người	0,25	Chỉ diễn xuôi, chưa giải mã nghĩa hàm ẩn

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Thái độ: trân trọng, cảm thông; khoảng cách giữa hai bên chuẩn bị cho chữ "hiểu lầm"	0,25	Ý lộn xộn, thiếu lí giải

Câu 4 (1 điểm): Từ "hiểu lầm" đến "lỗi lầm" [Thông hiểu]

Từ "hiểu lầm" đến "lỗi lầm" là bước chuyển của cảm xúc: từ cảm nhận một khoảng cách chưa ai có lỗi sang tự nhận lỗi về phía mình. Giữa hai dòng gần như lặp lại ấy có một khoảng thời gian và một cuộc sàng lọc của trí nhớ. Ở dòng thứ bảy, cuộc gặp vừa xảy ra: "tôi" chào, con bò im lặng, và khoảng cách giữa hai bên được cảm nhận là "hiểu lầm", tức một sự lệch nhau trong giao tiếp, chưa ai có lỗi. Những dòng tiếp theo đẩy cảnh ấy về quá khứ: "tôi" đã gặp vô số con bò ở khắp nơi ("trên đồng dưới sông bờ đê ngõ nhỏ"), vậy mà "Sao chỉ nhớ" một con. Hình ảnh con bò đã ở lại trong lòng người. Khi trở lại, con bò không còn chỉ "nhai mưa" mà "nhai mưa-quá-khứ", không còn chỉ im lặng mà "Im lặng nhìn tôi": cái nhìn hướng thẳng vào người nói. Đến đây "tôi" như nhận ra sự im lặng kia không phải vô cảm; đó có thể hiểu là sự im lặng của một sinh linh mang "ách nặng" giữa chiều đông mưa, trước lời chào của một người đứng ngoài nỗi nhọc ấy. Chữ "lỗi lầm" vì vậy là lời tự nhận: lỗi của người đã nhìn mà chưa thấy, của con người trước những phận lặng lẽ gánh việc cho mình. Bài thơ đi theo cấu tứ của một cuộc tự vấn, từ gặp gỡ qua hồi tưởng đến tự nhận lỗi, với dòng thơ lặp có biến đổi làm điểm khép vòng.

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Hiểu đúng "hiểu lầm" ở dòng thứ bảy: sự lệch nhau trong giao tiếp, chưa có ý quy lỗi	0,25	Chỉ diễn xuôi, chưa giải mã nghĩa hàm ẩn
Chỉ ra những gì xảy ra giữa hai dòng: hồi tưởng, "Sao chỉ nhớ", "nhai mưa-quá-khứ", "Im lặng nhìn tôi"	0,25	Trích sai chữ hoặc chép thừa
Lí giải "lỗi lầm": lời tự nhận lỗi của "tôi", của con người trước sinh linh mang ách nặng	0,25	Trả lời lạc lênh hỏi
Gọi tên cấu tứ có chứng cứ: gặp gỡ, hồi tưởng, tự vấn; dòng lặp biến đổi khép vòng bài thơ	0,25	Ý lộn xộn, thiếu lí giải

Lưu ý chấm: Chấp nhận cách hiểu "lỗi lầm" là lỗi của riêng "tôi" hoặc lỗi chung của con người với loài vật lao dịch, nếu có căn cứ. Không chấp nhận cách hiểu quy lỗi cho con bò, vì bài thơ không có căn cứ cho điều đó.

Câu 5 (1 điểm): Thông điệp về lương tâm và sự tự vấn [Vận dụng]

Thông điệp rút ra: lương tâm thức tỉnh khi con người dám để những phận lạng lẽ gánh vác "nhìn" lại mình, và không lấy sự im lặng của họ làm cớ để yên lòng.

Trong bài thơ, con bò không nói gì, cũng không trách ai; nó chỉ "Im lặng nhìn tôi". Vậy mà cái nhìn ấy khiến "tôi" tự gọi khoảng cách giữa hai bên là "lỗi lầm". Không ai buộc tội, thế mà "tôi" vẫn day dứt; biết tự thấy mình có lỗi trước một cái nhìn không trách móc chính là dấu hiệu của lương tâm. Bài thơ cũng nhắc rằng im lặng không có nghĩa là bằng lòng: con bò không đáp lời mà mắt vẫn "rợn buồn". Một lời chào thân thiện như "Chào anh" là chưa đủ; lương tâm đòi hỏi ta tự hỏi mình đã đứng ở đâu trước gánh nặng của họ, rồi để nỗi day dứt ấy đổi thành một việc làm cụ thể, như dọn khay ăn của mình hay nhường lối cho bác lao công đang quét, thay cho việc đi qua như không thấy.

Hướng dẫn chấm	Điểm	Lỗi thường gặp
Nêu thông điệp rõ ràng về lương tâm, sự tự vấn, xuất phát từ cái nhìn "Im lặng nhìn tôi"	0,25	Trả lời chung chung, thiếu căn cứ từ bài thơ
Lí giải bằng 2 đến 3 lí lẽ có tám chữ trong bài ("lỗi lầm", "Mắt rợn buồn", lời chào "Chào anh")	0,5	Trả lời chung chung, thiếu căn cứ từ bài thơ; Ý lộn xộn, thiếu lí giải
Liên hệ bản thân hoặc đời sống cụ thể; đúng dung lượng 5 đến 7 dòng	0,25	Sai dung lượng yêu cầu

Lưu ý chấm: Chấp nhận thông điệp khác hợp lí (lòng trắc ẩn với loài vật, biết ơn những người gánh vác cho mình, không vô tâm trước nỗi nhọc của người khác...), miễn là xuất phát từ bài thơ và có lí giải.

Câu hỏi phản biện cho học sinh giỏi (không tính điểm)

Nếu lược bỏ ba dòng "Tôi đã thấy / trên đồng dưới sông bờ đê ngõ nhỏ / bò đen bò vàng bò kéo cày bò nhai cỏ," và giữ nguyên các dòng còn lại, bài thơ sẽ mất gì?

Gợi ý: Bài thơ sẽ mất bằng chứng cho chữ "chỉ". Ba dòng ấy dồn một loạt nơi chốn ("trên đồng dưới sông bờ đê ngõ nhỏ") và một loạt con bò không tên, viết liền một hơi, không ngắt giữa các chi tiết, tạo cảm giác đông, đều, dễ lẫn. Chính cái đông đúc ấy làm

bật lên câu hỏi "Sao chỉ nhớ" và biến con bò kia thành "Cái con bò" duy nhất. Bỏ đi, "Sao chỉ nhớ" mất đối trọng; việc ghi nhớ không còn là một sự sàng lọc của lương tâm mà chỉ là một kỉ niệm bình thường. Ba dòng này cũng là quãng thời gian nằm giữa hai dòng gần lặp; thiếu chúng, "hiểu lầm" chuyển sang "lỗi lầm" quá nhanh, cuộc tự vấn mất đi quá trình.

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Đoạn văn bàn về một thái độ sống: biết nhìn thấy và tôn trọng những người lao động thầm lặng quanh mình. Hình ảnh con bò "trên vai ách nặng" và lời chào "Chào anh" của nhân vật "tôi" chỉ là điểm xuất phát; trọng tâm là con người và đời sống hôm nay. Dung lượng khoảng 200 chữ, dẫn chứng lấy từ đời sống thật, không bịa số liệu.

b. Yêu cầu cụ thể: Có thể triển khai theo ba ý sau; sắp xếp khác vẫn được chấp nhận nếu mạch lạc:

- Ý 1) Giải thích, nêu vấn đề. Người lao động thầm lặng là những người làm công việc thiết yếu nhưng ít được đề ý: công nhân vệ sinh quét đường trong đêm, bác bảo vệ, cô cấp dưỡng, người giao hàng. Thành quả của họ có mặt khắp nơi, còn chính họ gần như vô hình. "Nhìn thấy" là nhận ra sự có mặt, nỗi nhọc và giá trị công việc của họ; "tôn trọng" là đối xử với họ bằng lời nói, cử chỉ tử tế như với người ngang hàng. Vấn đề được gợi từ con bò "trên vai ách nặng" mà không một lời than, được "tôi" gọi bằng tiếng "anh".
- Ý 2) Bàn luận. Sự tiện nghi của mỗi người dựng lên từ những bàn tay ấy: con đường sạch mỗi sáng, bữa cơm bán trú, gói hàng đến tận cửa. Họ thường làm việc khi người khác nghỉ ngơi, ít được ghi nhận nên dễ bị bỏ quên; tôn trọng họ là sự công bằng tối thiểu, tiếp thêm cho họ lòng tự trọng nghề nghiệp. Mùa dịch Covid-19 là minh chứng: đời sống giữ được nhịp nhờ nhân viên y tế, công nhân vệ sinh, người vận chuyển hàng hóa, và nhiều người khi ấy mới thật sự nhìn thấy họ. Người biết tôn trọng cũng tự hoàn thiện mình, như "tôi" thức tỉnh trước cái nhìn của con bò.
- Ý 3) Phản đề và bài học. Phê phán thói coi lao động chân tay là "thấp kém", nói trống không với người phục vụ, xả rác ngay sau lưng người vừa quét, nặng lời với người giao hàng vì một lần chậm trễ. Tôn trọng cũng khác thương hại hay ban ơn: đó là nhìn họ như con người có phẩm giá ngang mình. Nhận thức: không có nghề thấp hèn, giá trị con người không đo bằng chức danh. Hành động của học sinh: chào hỏi,

cảm ơn bác bảo vệ, cô lao công; tự dọn khay ăn, bỏ rác đúng chỗ; lịch sự khi nhận hàng; sẵn lòng sẻ chia khi họ gặp khó.

Câu 2 (4,0 điểm)

a. Yêu cầu chung: Trọng tâm là hình ảnh con bò và câu tứ đi từ cuộc gặp gỡ đến nỗi day dứt trong "Mất bò"; bài còn phải đánh giá được nghệ thuật, nội dung và liên hệ với một bài thơ tự chọn cũng mang cái nhìn tự vấn. Bài văn khoảng 600 chữ.

b. Yêu cầu cụ thể: thí sinh triển khai bài viết theo trình tự hợp lí và sử dụng đúng các kĩ năng nghị luận; cần bảo đảm các yêu cầu sau:

b1. Viết được mở bài và kết bài cho bài văn nghị luận văn học. Mở bài giới thiệu Hữu Việt, bài thơ "Mất bò" và cuộc gặp gỡ tưởng rất bình thường đã để lại nỗi day dứt lâu dài trong nhân vật trữ tình; nêu được vấn đề nghị luận (hình ảnh con bò, câu tứ từ gặp gỡ đến day dứt). Kết bài khẳng định sức ám ảnh của đôi mắt con bò và ý nghĩa tự vấn của bài thơ đối với người đọc hôm nay, tránh nhắc lại phần thân bài.

b2. Phân tích, đánh giá

b2.1 Giới thiệu bài thơ, nhân vật trữ tình, tình huống (0,25 điểm)

Nêu được: "Mất bò" của Hữu Việt (in trên Báo Nhân Dân điện tử năm 2013, sau đó làm nhan đề cho tập thơ cùng tên) viết theo thể thơ tự do: dòng dài ngắn rất chênh nhau, có dòng chỉ hai tiếng ("Tôi gặp"), có dòng mười tiếng (dòng lời chào); không theo khuôn vắn, nhịp cố định; cả bài là một khổ liền mười bốn dòng. Đề tài: cuộc gặp gỡ giữa con người và một con vật lao dịch. Chủ thể trữ tình "tôi" xuất hiện trực tiếp, kể lại cuộc gặp con bò mang ách giữa chiều đông mưa. Mạch cảm xúc đi qua ba chặng: gặp gỡ, hồi tưởng, day dứt tự nhận lỗi. Điểm đáng chú ý: nhan đề không gọi tên con vật mà gọi tên đôi mắt; bài thơ không khép bằng dấu chấm mà bằng dấu chấm lửng.

b2.2.1 Hình ảnh con bò (0,75 điểm)

- Ý 1) Con vật lao dịch nhẩn nại. "kiên nhẫn đứng nhai mưa" là kết hợp lạ: bò vốn nhai cỏ, ở đây nhai mưa, như phải nhẩn nại nuốt cả cơn mưa lạnh. "Nó không đứng chơi" cùng "trên vai ách nặng" xóa ấn tượng thông thả: đứng yên cũng là đang gánh. Con bò hiện lên như một kiếp lao khổ cam chịu, không kêu than.
- Ý 2) Đôi mắt là tâm điểm, gắn với nhan đề "Mất bò" (ý trọng tâm). Dòng "Mắt rợp buồn chiều đông" đứng riêng; chữ "rợp" vốn nói bóng cây, bóng cờ phủ kín, nay nói nỗi buồn phủ kín đôi mắt, hòa với cái lạnh của chiều đông. Cuối bài, đôi mắt

"Im lặng nhìn tôi": con bò thành chủ thể của cái nhìn, nỗi buồn hóa thành lời chất vấn không thành tiếng.

- Ý 3) Được nhân hóa nhưng vẫn cách xa. Tiếng "anh" trong lời chào "Chào anh" nâng con bò thành người ngang hàng, cho thấy sự trân trọng của "tôi". Nhưng dấu gạch ngang trong "Con bò - im lặng" tạo quãng hẫng, lời chào rơi vào khoảng trống. Hình ảnh mang hai lớp: một sinh linh buồn như người, và một khoảng cách mà lời nói chưa chạm tới.
- Ý 4) Từ con bò cụ thể đến biểu tượng. Giữa bao "bò đen bò vàng bò kéo cày bò nhai cỏ", chỉ còn lại "Cái con bò"; chữ "Cái" cá biệt hóa đúng con vật ấy. Hình ảnh trở lại thành "nhai mưa-quá-khứ": dấu gạch nối dính con mưa với thời gian đã qua, như con vật vẫn nhai mãi buổi chiều ấy trong kí ức người. Con bò gọi nghĩ tới mọi phận lặng lẽ gánh vác cho con người.

b2.2.2 Cấu tứ: gặp gỡ, hồi tưởng, day dứt (0,75 điểm)

- Ý 1) Chặng gặp gỡ (bảy dòng đầu). Dòng "Tôi gặp" chỉ hai tiếng, đứng riêng như một khoảnh khắc chững lại. Mạch kể đi từ quan sát (ách nặng, mắt buồn) đến hành động (lời chào) rồi phản hồi (im lặng), khép bằng "Như một hiểu lầm, như một cách xa...": hai phép so sánh nối tiếp, dấu chấm lửng để ngỏ, ghi nhận khoảng cách mà chưa quy lỗi cho ai.
- Ý 2) Chặng hồi tưởng (bốn dòng giữa). "Tôi đã thấy" mở ra không gian rộng; phép liệt kê dồn dập nơi chốn và các loài bò, viết liền không ngắt, gọi cái nhiều, cái đều, cái dễ quên. Câu hỏi tu từ "Sao chỉ nhớ" đứng riêng thành dòng ngắn, bẻ gãy mạch liệt kê: trí nhớ đã tự sàng lọc, dấu hiệu lương tâm bắt đầu lên tiếng. Ở trục cấu tứ, đoạn này là bản lề đưa mạch thơ từ cảm giác về khoảng cách sang nỗi day dứt; việc con bò được cá biệt hóa đã tính ở b2.2.1, không tính lại ở đây.
- Ý 3) Chặng day dứt (ba dòng cuối). Tình thế đảo chiều: trước kia "tôi" nhìn con bò, nay con bò "Im lặng nhìn tôi". Người quan sát thành người bị nhìn, bị hỏi; sự im lặng thành tấm gương soi người kể. Cảm xúc đi từ quan sát sang băn khoăn, day dứt, chuẩn bị cho lời tự nhận ở dòng cuối.
- Ý 4) Dòng lặp có biến đổi khép vòng (ý trọng tâm). Dòng cuối lặp nguyên khuôn dòng thứ bảy, chỉ đổi "hiểu lầm" thành "lỗi lầm". Kết cấu vòng tròn làm nổi bật chỗ đổi: cùng một "cách xa", lúc đầu là sự lệch nhau trong giao tiếp, cuối cùng là lỗi của con người đã nhìn mà chưa thấy. Cấu tứ đi trọn từ cảm nhận khoảng cách đến tự vấn lương tâm.

b2.3 Đánh giá đặc sắc nghệ thuật và nội dung (0,5 điểm)

- Ý 1) Nghệ thuật. Thể tự do được dùng có chủ ý: một khổ liên như dòng hồi ức không ngắt, xen những dòng rất ngắn ("Tôi gặp", "Tôi đã thấy", "Sao chỉ nhớ") làm nhịp ngập ngừng như người đang nhớ lại. Hình ảnh trung tâm chọn đắt; lối kết hợp từ lạ ("nhai mưa", "Mất rộp buồn"); phép liệt kê, nhân hóa và nhất là điệp có biến đổi tạo kết cấu vòng tròn. Ngôn ngữ mộc, gần lời nói thường, không tô vẽ.
- Ý 2) Nội dung. Từ một cảnh rất đời thường, bài thơ nói được hai điều: lòng trắc ẩn với loài vật và những phận lạng lẽ mang "ách nặng" cho con người; sự tự vấn của một người nhận ra mình từng nhìn mà chưa thấy. Giá trị nhân văn nằm ở chỗ nhà thơ không lên án ai, không hô hào, mà để đôi mắt con bò tự đánh thức lương tâm, kể cả lương tâm người đọc. Đánh giá có cân nhắc: sức gọi của bài thơ đến từ sự kiệm lời và nhiều khoảng trống, nhưng cũng vì thế người đọc không chú ý dấu gạch ngang, dấu gạch nối, dấu chấm lửng và nhịp ngắt dòng sẽ dễ bỏ lỡ tầng nghĩa; ý nghĩa biểu tượng của con bò phần nhiều do người đọc tự bổ sung, vì bài thơ chỉ cho vài chi tiết về nó.

b2.4 Liên hệ, mở rộng (0,25 điểm)

Liên hệ với một bài thơ tự chọn theo tiêu chí rõ: điều gì khiến con người tự vấn, đối tượng gọi ra sự tự vấn, cách dựng khoảnh khắc thức tỉnh. Gợi ý: "Ánh trăng" (Nguyễn Duy): vầng trăng "im phăng phắc" khiến con người "giật mình" nhận ra mình đã quên quá khứ nghĩa tình; giống "Mất bò" ở chỗ một đối tượng không nói gì lại khiến người tự thấy lỗi. Khác ở chỗ vầng trăng là kí ức của chính nhân vật trữ tình, sự tự vấn hướng về lòng thủy chung; còn con bò là sinh linh lao khổ xa lạ, sự tự vấn hướng về cách con người đối xử với những phận lạng lẽ gánh vác. Sự khác biệt ấy có nguyên do từ hoàn cảnh sáng tác: "Ánh trăng" ra đời năm 1978, sau chiến tranh, khi người từng đi qua gian khó nhìn lại tình nghĩa với quá khứ; còn "Mất bò" là cái nhìn thường nhật của một người sống giữa đời thường, bất chợt thấy những phận lao dịch quanh mình. Cũng có thể chọn "Mẹ và quả" (Nguyễn Khoa Điềm), nơi người con lo mình vẫn là "thứ quả non xanh" trước công lao của mẹ. Nét riêng của Hữu Việt: sự tự vấn khởi đi từ cái nhìn dành cho một con vật.

b3. Kỹ năng phân tích, lập luận và hình thức, ngôn ngữ: chấm theo các tiêu chí II và III của Rubric.

Ghi nhận những phát hiện riêng có căn cứ, chẳng hạn chuỗi cách gọi "Nó", "anh", "Cái con bò", hay lối kết hợp lạ "nhai mưa-quá-khứ" khiến cơn mưa mang theo cả thời gian.

Lưu ý khi chấm phần Viết

Bài thơ ngắn, nhiều khoảng trống nghĩa; giám khảo chấp nhận các cách hiểu khác nhau về "lỗi lầm" (lỗi của riêng "tôi", lỗi của con người nói chung) nếu có chứng cứ. Không chấp nhận cách đọc gán cho con bò những ý nghĩa không có căn cứ trong bài.

Ở b2.4, chấp nhận mọi tác phẩm học sinh tự chọn có cái nhìn tự vấn hoặc viết về loài vật, miễn là so sánh theo cấu tứ, hình ảnh hay giọng điệu và trích dẫn chính xác.

RUBRIC CHẤM ĐIỂM PHẦN "II. VIẾT"*Đề luyện tập số 21: "Mắt bò" - Hữu Việt*

Câu	Tiêu chí	Thành phần nội dung	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Câu 1 (2,0 điểm)	<i>Vấn đề: Nhìn thấy và tôn trọng những người lao động thầm lặng</i>		(1,75 - 2,0 điểm)	(1,25 - 1,5 điểm)	(0,75 - 1,0 điểm)	(0,0 - 0,5 điểm)
	I. Nội dung kiến thức (1,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề nghị luận (0,25 điểm)	Xác định đúng vấn đề: nhìn thấy và tôn trọng những người lao động thầm lặng quanh ta.			Không xác định được hoặc xác định sai vấn đề nghị luận (ví dụ chỉ bàn về việc bảo vệ động vật).
			0,25 điểm			0,0 điểm
		Nội dung triển khai (1,0 điểm)	Triển khai đủ ba ý như Hướng dẫn chấm, các ý liên kết chặt chẽ và có dẫn chứng.	Nêu được 02 ý, trong đó có Ý 2.	Nêu được 01 ý.	Ý sơ sài, chung chung hoặc lạc sang vấn đề khác.
			1,0 điểm	0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm

Câu	Tiêu chí	Thành phần nội dung	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
	II. Kỹ năng phân tích và lập luận (0,5 điểm)	Quan điểm, thao tác, bằng chứng (0,5 điểm)	Trình bày được quan điểm riêng; chọn thao tác nghị luận phù hợp; lập luận chặt chẽ, logic, có ít nhất 01 bằng chứng thuyết phục.	- Đáp ứng được 01 hoặc 02 trong 03 yêu cầu như Mức 4.	- Không đáp ứng được yêu cầu nào như Mức 4.	
			0,5 điểm	0,25 điểm	0,0 điểm	
	III. Hình thức và ngôn ngữ (0,25 điểm)	Đoạn văn, diễn đạt, dung lượng (0,25 điểm)	Đáp ứng đủ 04 yêu cầu: trình bày đúng hình thức đoạn văn; hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, đúng ngữ pháp, không mắc lỗi chính tả; trình bày khoa học, rõ ràng, sạch đẹp; dung lượng khoảng 200 chữ (chênh lệch không quá 100 chữ).	Đáp ứng đủ 03 trong 04 yêu cầu.	Đáp ứng 02 trong 04 yêu cầu.	Đáp ứng 01 trong 04 yêu cầu hoặc không đáp ứng yêu cầu nào.
			0,25 điểm		0,0 điểm	

Câu	Tiêu chí	Thành phần nội dung	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Câu 2 (4,0 điểm)	<i>Vấn đề: Hình ảnh con bò và cấu tứ gấp gờ, day dứt</i>		(3,0 - 4,0 điểm)	(2,0 - 2,75 điểm)	(0,75 - 1,75 điểm)	(0,0 - 0,5 điểm)
	I. Nội dung kiến thức (2,5 điểm)	b2.1 Giới thiệu bài thơ, nhân vật trữ tình, tình huống (0,25 điểm)	Đạt đủ yêu cầu của mục b2.1 (Hướng dẫn chấm), phân tích có dẫn chứng.	Nêu được phần lớn các yếu tố của mục b2.1, có ý về mạch cảm xúc.	Nêu được 01 đến 02 yếu tố.	Không giới thiệu hoặc giới thiệu sai.
			0,25 điểm			0,0 điểm
		b2.2.1 Hình ảnh con bò (0,75 điểm)	Trình bày đúng và đủ các ý như mục b2.2.1 của Hướng dẫn chấm.	Nêu được 03 trong 04 ý, trong đó có Ý 2 (đôi mắt con bò).	Nêu được 01 đến 02 ý, hoặc chủ yếu tả lại con bò.	Kể lại nội dung, không phân tích; hoặc trích dẫn sai.
			0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm	0,0 điểm
		b2.2.2 Cấu tứ: gấp gờ, hồi tưởng, day dứt (0,75 điểm)	Đáp ứng đầy đủ các ý của mục b2.2.2 trong Hướng dẫn chấm.	Nêu được 03 trong 04 ý, trong đó có Ý 4 (ý nghĩa của việc "hiều lắm" đổi thành "lỗi lắm").	Nêu được 01 đến 02 ý; mới nói tới nỗi day dứt, chưa chỉ ra cấu tứ.	Không đề cập cấu tứ hoặc hiểu sai (chẳng hạn quy lỗi cho con bò).
			0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm	0,0 điểm

Câu	Tiêu chí	Thành phần nội dung	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
		b2.3 Đánh giá đặc sắc nghệ thuật và nội dung (0,5 điểm)	Nêu đủ các ý theo mục b2.3 của Hướng dẫn chấm (nghệ thuật, nội dung, nhận xét có cân nhắc), có chứng cứ từ bài thơ.	Đánh giá được cả nghệ thuật và nội dung nhưng chưa đủ ý.	Đánh giá được một phương diện.	Không đánh giá hoặc chỉ khen chung chung.
			0,5 điểm	0,25 điểm		0,0 điểm
		b2.4 Liên hệ, mở rộng (0,25 điểm)	Đạt đủ yêu cầu của mục b2.4 (Hướng dẫn chấm), phân tích có dẫn chứng.	Có liên hệ nhưng mới so sánh ở một phương diện.	Có liên hệ nhưng chỉ nêu tên tác phẩm, thiếu tiêu chí.	Không liên hệ hoặc liên hệ gượng ép, sai.
			0,25 điểm			0,0 điểm
	II. Kỹ năng phân tích và lập luận (0,75 điểm)	Chọn chi tiết, thao tác, kết nối (0,75 điểm)	Chọn được chi tiết, từ ngữ tiêu biểu; dùng thành thạo các thao tác phân tích, so sánh, đánh giá; kết nối văn bản khác và đời sống thuyết phục.	Đáp ứng 02 trong 03 yêu cầu như Mức 4.	Đáp ứng 01 trong 03 yêu cầu như Mức 4.	Không đáp ứng yêu cầu nào.
			0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm	0,0 điểm

Câu	Tiêu chí	Thành phần nội dung	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
	III. Hình thức và ngôn ngữ (0,75 điểm)		- Bố cục 3 phần rõ ràng (Mở bài - Thân bài - Kết bài). - Dung lượng: 600 ± 200 chữ. - Hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, đúng ngữ pháp tiếng Việt, không có lỗi chính tả. - Trình bày khoa học, rõ ràng, sạch đẹp.	- Đáp ứng được 03 trong 04 yêu cầu như Mức 4.	- Đáp ứng được 02 trong 04 yêu cầu như Mức 4.	- Đáp ứng được 01 trong 04 yêu cầu như Mức 4.
			0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm	0,0 điểm

CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VÀ CÁCH ĐẶT MUA

Tài liệu có bài văn mẫu không? Không, và đó là chủ ý. Bài văn mẫu dễ khiến học sinh học thuộc rồi chép lại. Tài liệu thay bằng hướng triển khai theo từng ý và rubric bốn mức, để mỗi học sinh viết bài của mình và biết bài ấy đạt mức nào.

Đáp án có đầy đủ không? Có, cho cả 5 câu Đọc hiểu và cả hai câu Viết của 25 đề, kèm bảng điểm thành phần và cột lỗi thường gặp.

Ngữ liệu thơ có đáng tin không? Văn bản thơ của cả 25 đề đã được rà soát và đối chiếu lại với các nguồn đáng tin (sách in, báo, trang thơ uy tín); ngữ liệu liên hệ ở phần Viết đều ghi rõ tác giả, tác phẩm, nơi đăng để giáo viên tự kiểm tra khi cần.

Phiên bản 2.1 khác gì bản trước? Xem trang "Điểm mới của Phiên bản 2.1" trong bộ tài liệu đầy đủ: câu hỏi Đọc hiểu phân mức, Hướng dẫn chấm chi tiết, Rubric, câu hỏi phản biện, mục lục chi tiết và ngữ liệu đã rà soát lại.

Tài liệu ở dạng nào? Tập Word trên khổ A4, chữ Times New Roman cỡ 14, không nền màu, in được trên mọi máy in.

Đặt mua bộ tài liệu đầy đủ: nhắn Zalo **0328 961 617** (trang Kết Nối Tri Thức | Ngữ Văn) để nhận báo giá, ưu đãi hiện có và hướng dẫn đặt mua. Nếu bạn đang là học sinh, giáo viên hay phụ huynh và chưa chắc bộ tài liệu có hợp với nhu cầu của mình, cứ nhắn trước để được tư vấn.

Cảm ơn bạn đã đọc bản demo. Chúc bạn ôn tập hiệu quả và có những bài viết thật sự của riêng mình.